

VOCATIONAL TRAINING ACTIVITIES FOR RURAL WORKERS IN THAI NGUYEN PROVINCE

Duong Thi Thu Hoai*, Cu Ngoc Bac, Pham Thi Thanh Van

TNU - University of Agriculture and Forestry

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 18/01/2022	The study focuses on understanding the status of vocational training activities for rural workers in Thai Nguyen province in the period of 2018-2020. The study used primary and secondary information and the main analytical methods are comparison, descriptive statistics. The results show that, in the past 3 years, funding for vocational training activities for rural workers has come from 3 sources: the provincial Department of Agriculture and Rural Development (MARD), the Department of Labor Labour, Invalids and Social Affairs (DOLISA) and sources from units in the province. There are 3 groups of vocational training activities: agricultural vocational training, non-agricultural vocational training and vocational training for people with disabilities. In which, agricultural vocational training accounted for the largest number (53.3%). The fields of agricultural vocational training include: cultivation, animal husbandry, food processing technology and agricultural mechanics. In which, the industry with the largest number of classes is animal husbandry (98/198 classes). Among localities, Thai Nguyen City is the unit that is allocated the most funding with the largest number of participants. From the current status of vocational training activities for rural workers, the results achieved and the advantages and disadvantages in the past time, we propose some solutions to improve the quality of vocational training activities for laborers, rural activities in Thai Nguyen province.
Revised: 30/5/2022	
Published: 30/5/2022	
KEYWORDS	
Vocational training	
Job creation	
Income improvement	
Solutions	
Rural labor	
Thai Nguyen province	

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN

Dương Thị Thu Hoài*, Cù Ngọc Bắc, Phạm Thị Thanh Vân

Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 18/01/2022	Nghiên cứu tập trung tìm hiểu thực trạng hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020. Bài nghiên cứu sử dụng các thông tin thứ cấp, sơ cấp và các phương pháp phân tích chính là so sánh, thống kê mô tả. Kết quả cho thấy, 3 năm trở lại đây kinh phí cho hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn lấy từ 3 nguồn là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Sở Lao động và Thương binh xã hội, và nguồn từ các đơn vị trong tỉnh. Có 3 nhóm hoạt động đào tạo nghề là đào tạo nghề nông nghiệp, nghề phi nông nghiệp và đào tạo nghề cho người khuyết tật. Trong đó hoạt động đào tạo nghề nông nghiệp chiếm số lượng nhiều nhất (53,3%). Các lĩnh vực đào tạo nghề nông nghiệp bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, công nghệ chế biến thực phẩm và cơ khí nông nghiệp. Trong đó ngành có số lượng lớp nhiều nhất là chăn nuôi thú y (98/198 lớp). Trong số các địa phương, Thành phố Thái Nguyên là đơn vị được phân bổ kinh phí nhiều nhất với số lượt người học tham gia lớn nhất. Từ thực trạng hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn, những kết quả đạt được và những thuận lợi và khó khăn trong thời gian qua, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại tỉnh Thái Nguyên.
Ngày hoàn thiện: 30/5/2022	
Ngày đăng: 30/5/2022	
TỪ KHÓA	
Đào tạo nghề	
Tạo việc làm	
Nâng cao thu nhập	
Giải pháp	
Lao động nông thôn	
Tỉnh Thái Nguyên	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5445>

* Corresponding author. Email: duongthithuhoai@tnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn (LĐNT) là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và liên quan nhiều đến các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Đây là một trong những chính sách phát triển xã hội cơ bản, được ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển tổng thể xã hội của đất nước. Trong những năm qua, chủ trương đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước mà trước hết là lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Năm 2007, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO, nền kinh tế nói chung và sản xuất nông nghiệp của Việt Nam nói riêng đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển nhưng những thách thức mà Việt Nam phải đối mặt không nhỏ. Chất lượng của nguồn nhân lực vốn được xem là khâu then chốt để nâng cao tính bền vững của nền kinh tế, của phát triển xã hội thì vẫn còn nhiều hạn chế hay nói đúng hơn là vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của nền kinh tế trong thời kỳ hội nhập [1]. Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, nhằm tạo việc làm, nâng cao chất lượng và tăng thu nhập của lao động nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn [2]. Đã có nhiều nghiên cứu về đào tạo nghề như đánh giá chất lượng đào tạo nghề [1], phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề [3], [4], giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn [5], [6], đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp và nông thôn Việt Nam [7], đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lê Thuỷ tỉnh Quảng Bình [8], Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang [9], Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956 [10], Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội [11], Hiệu quả của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Lắk: Thực trạng và một số giải pháp [12]. Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới tập trung vào kết quả, hiệu quả đào tạo nghề, các chương trình đào tạo ở lĩnh vực, ngành nghề cụ thể, hoặc thực tiễn tình hình địa phương, trong khi ít có các nghiên cứu tổng quan, làm cơ sở lý luận về chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT. Mục đích của bài viết này nhằm trình bày thực trạng đào tạo nghề cho LĐNT tại Thái Nguyên, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo nghề cho LĐNT ở Việt Nam và tại tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp chọn điểm

Chúng tôi tiến hành chọn mẫu điều tra theo phương pháp chọn mẫu phân tầng một số huyện và thành phố tỉnh Thái Nguyên có các lớp đào tạo nghề nhiều nhất: huyện Phú Bình, huyện Đại Từ và huyện Phú Lương. Trên địa bàn đó lại chọn ra một số phường/xã; trong đó chọn ra các thôn có người dân trong độ tuổi lao động đã tham gia các lớp đào tạo nghề sơ cấp, thường xuyên để tiến hành điều tra theo phương pháp phỏng vấn trực tiếp từ bộ câu hỏi được chuẩn bị trước.

2.2. Phương pháp thu thập thông tin

Thông tin thứ cấp: Chúng tôi tiến hành sưu tầm, thu thập thông tin số liệu qua các tài liệu đã được công bố qua sách báo, tạp chí Internet; số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; những số liệu liên quan đến đề tài đã được công bố của các cơ quan thống kê các cấp, các phòng ban, quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên và báo cáo của Sở Lao động Thương binh xã hội (LĐTBXH) về các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ 3 năm trở lại đây; kết quả nghiên cứu của các đề tài có cùng nội dung.

Thông tin sơ cấp:

- Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA): Sử dụng câu hỏi mở, thông qua phương pháp này trực tiếp tiếp cận các lao động nông thôn, các đối tượng có liên quan đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn, để hiểu biết được thực trạng, những khó khăn, thuận lợi trong quá trình tham gia. Từ đó có cái nhìn khách quan để có thể đưa ra những giải pháp, những định hướng nâng cao hiệu quả đào tạo nghề trong tương lai.

- Phương pháp chuyên gia: Thu thập thông tin qua các cán bộ có kinh nghiệm tại địa phương, người lãnh đạo trong cộng đồng và những người dân có uy tín trong cộng đồng. Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi tiến hành phỏng vấn một số cán bộ địa phương để đánh giá chung các hoạt động triển khai tổ chức lớp học tại địa phương. Trên cơ sở đó đưa ra một số các kiến nghị và giải pháp nâng cao hiệu quả cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời gian tới.

- Phương pháp điều tra hộ:

Mẫu được chọn để tiến hành điều tra là 90 người tại 03 xã theo phương pháp chọn mẫu phân tầng có điều kiện. Từ kết quả thu thập được có thể đưa ra đánh giá chung và khách quan hơn cho nghiên cứu. Chúng tôi cũng chọn phỏng vấn 10 cán bộ quản lý cấp huyện, xã về thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2.3. Phương pháp xử lý thông tin

Phương pháp thống kê mô tả: Là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng kinh tế xã hội vào việc mô tả sự biến động cũng như xu hướng phát triển của hiện tượng kinh tế xã hội thông qua số liệu thu thập được. Phương pháp này được dùng để tính toán, đánh giá các kết quả nghiên cứu từ các phiếu điều tra.

Phương pháp so sánh: Sử dụng phương pháp dãy số thời gian và so sánh các chỉ tiêu tính toán giữa các ngành, giữa các vùng, giữa các nhóm sản phẩm theo từng ngành, từ đó có những giải pháp cụ thể.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 được tỉnh Thái Nguyên triển khai trong hoàn cảnh kinh tế nông nghiệp, nông thôn của tỉnh đang có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông - lâm - thủy sản và tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng - dịch vụ. Để triển khai thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn”, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 13/02/2012 về phê duyệt “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” chia làm 2 giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020, với mục tiêu mỗi giai đoạn có 40.000 lao động nông thôn (Tỷ lệ có việc làm sau học nghề giai đoạn này tối thiểu đạt 80%) và 10.000 cán bộ công chức cấp xã được đào tạo nghề [2].

Sau 10 năm thực hiện các hoạt động của đề án, tỉnh Thái Nguyên cũng đã đạt được những kết quả nhất định. Kết quả được thực hiện qua bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Kết quả thực hiện mục tiêu hoạt động đào tạo nghề theo đề án của Chính phủ tại tỉnh Thái Nguyên

STT	Chỉ tiêu	2011-2015		2016-2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng số LĐNT tuyển sinh	26.815	67,04	14.923	46,63
1.2	Nghề đào tạo nông nghiệp	6.247	23,3	6.328	42,41
1.3	Nghề phi NN	20.568	76,7	8.595	57,59
2	Số LĐNT có việc làm sau đào tạo	20.210	75,37	12.244	80,00
2.1	Doanh nghiệp tuyển dụng	10.371	-	2.631	-
2.2	Doanh nghiệp ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm	2.651	-	1.296	-
2.3	Thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác	1.125	-	728	-
2.4	Năng suất LĐ và thu nhập tăng lên	6.063	-	7.595	-

(Nguồn: Sở lao động TBXH tỉnh Thái Nguyên, 2020)

Giai đoạn 2011 - 2015, tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh và đào tạo nghề là 26.815/40.000 người, đạt 67,04% so với mục tiêu của Đề án. Trong đó, đào tạo nghề phi nông nghiệp cho 20.568 người, chiếm 76,7%; đào tạo nghề nông nghiệp cho 6.247 người, chiếm 23,3%. Số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề là 20.210 người, đạt 75,37%/70% (vượt chỉ tiêu Đề án của giai đoạn). Trong đó: 10.371 người được doanh nghiệp tuyển dụng; 2.651 người được

doanh nghiệp ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm; 6.063 người tiếp tục làm công việc cũ nhưng năng suất lao động và thu nhập tăng lên; 1.125 người thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác.

Trong phần nội dung dưới đây, tác giả tập trung phân tích thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020 theo các khía cạnh: (1) theo kinh phí dành cho đào tạo nghề; (2) theo lĩnh vực; (3) theo đơn vị... Cụ thể như sau:

Về kinh phí đào tạo nghề

Những năm qua có rất nhiều hoạt động đào tạo nghề được tổ chức tại tỉnh Thái Nguyên từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Chúng tôi đã tiến hành điều tra sự phân bổ kinh phí đào tạo nghề trong 3 năm qua, kết quả thể hiện tại bảng 2.

Bảng 2. Phân bổ kinh phí đào tạo nghề của tỉnh Thái Nguyên 2018-2020

STT	Nguồn kinh phí	Số lớp (Lớp)			Tổng kinh phí (Tr. đồng)		
		2018	2019	2020	2018	2019	2020
1	Sở LĐTBXH	19	22	27	1.400	1.230	2.210
2	Chi cục PTNT	57	46	51	3.500	3.000	4.000
3	Huyện, TP, thị xã	13	16	17	1.100	1.770	1.490
	Tổng	89	84	95	6.000	6.000	7.700

(Nguồn: Sở lao động TBXH tỉnh Thái Nguyên năm 2018, 2019, 2020)

Qua bảng 2 cho thấy, nguồn kinh phí đào tạo nghề phân cho 3 đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, thực hiện có theo các quyết định và công văn của UBND tỉnh bao gồm: Sở LĐTBXH, Chi cục PTNT và các đơn vị trực thuộc tỉnh (huyện, thành phố, thị xã). Tổng kinh phí năm 2018 và 2019 mỗi năm là 6.000 tr. đồng, năm 2020 kinh phí này tăng lên 7.700 tr. đồng. Trong đó số lượng cao nhất từ Chi cục PTNT, năm 2018 với 3.500 tr. đồng (57 lớp), sang năm 2019 giảm xuống còn 3.000 tr. đồng (46 lớp) và 2020 số lượng lớp (51 lớp) và kinh phí (4.000 tr. đồng) cũng tăng lên so với cả 2 năm 2018 và 2019.

Mục tiêu của đề án 1956 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2011-2020 đào tạo cho 12.000.000 lao động nông thôn với các ngành nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp; ưu tiên các đối tượng người khuyết tật, hộ nghèo, dân tộc thiểu số, nhóm hộ bị thu hồi đất canh tác gặp khó khăn về kinh tế. Tại Thái Nguyên hoạt động đào tạo nghề sơ cấp và đào tạo thường xuyên dành cho lao động nông thôn và người khuyết tật. Chúng tôi cũng tiến hành điều tra về sự phân bổ kinh phí đào tạo nghề cho các ngành nghề theo đơn vị quản lý giai đoạn 2018-2020, kết quả thể hiện trong bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Phân bổ kinh phí đào tạo nghề theo đơn vị quản lý giai đoạn 2018-2020

STT	Nhóm đối tượng đào tạo	Tổng kinh phí (Tr. đồng)			Số người tham gia (Học viên)		
		2018	2019	2020	2018	2019	2020
1	Đào tạo nghề phi NN	2.000	2.400	2.900	779	901	1.056
2	Đào tạo người khuyết tật	500	600	800	100	115	147
3	Đào tạo nghề NN	3.500	3.000	4.000	1.701	1.380	1.530
	Tổng	6.000	6.000	7.700	2.589	2.396	2.733

(Nguồn: Sở lao động TBXH tỉnh Thái Nguyên năm 2018, 2019, 2020)

Qua bảng 3 cho thấy, trong 3 năm trở lại đây (2018-2020) toàn tỉnh thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn với tổng số lượt người tham dự là 4.611 người (tổng kinh phí là 10.500 tr. đồng), cao nhất là năm 2018 là 1.701 lượt năm 2019 giảm xuống (1.380 lượt) và đến 2020 lại tăng lên (1.530 lượt). Nghề phi nông nghiệp tổng kinh phí là 7.300 tr. đồng với 2.736 lượt người tham dự, số lượng kinh phí và số người tham dự tăng đều qua các năm. Còn nhóm đối tượng người khuyết tật trong 3 năm qua tổng kinh phí đầu tư 1.900 tr. đồng, với 362 lượt tham dự. Qua đó cho thấy, tỉnh Thái Nguyên không chỉ quan tâm đến đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp cho nhóm lao động nông thôn mà còn quan tâm đến những đối tượng đặc biệt như: người khuyết tật, gia đình chính sách, dân tộc thiểu số, nghèo, cận nghèo, bị thu hồi đất nông nghiệp...

Về lĩnh vực đào tạo nghề

Trong các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn thì đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp là một hoạt động giữ vai trò quan trọng và chiếm chủ yếu. Tại Thái Nguyên, lĩnh vực nông nghiệp chủ yếu trong đào tạo nghề gồm có trồng trọt, chăn nuôi, công nghệ chế biến thực phẩm nông nghiệp, cơ khí nông nghiệp. Kết quả được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Các hoạt động đào tạo nghề lĩnh vực nông nghiệp trong 3 năm (2018-2020)

STT	Lĩnh vực nông nghiệp	Số lớp (Lớp)			Số người tham gia (Học viên)		
		2018	2019	2020	2018	2019	2020
1	Trồng trọt	20	14	14	600	420	420
2	Chăn nuôi thú y	32	33	33	890	931	962
3	Công nghệ chế biến thực phẩm nông nghiệp	14	12	19	420	355	564
4	Cơ khí NN	1	2	4	27	65	120
	Tổng	67	61	70	1.937	1.771	2.006

(Nguồn: Sở lao động TBXH tỉnh Thái Nguyên năm 2018, 2019, 2020)

Trong đó trồng trọt và chăn nuôi chiếm đa số, từ năm 2018 đến 2020 tổng số lớp lĩnh vực chăn nuôi thú y là 98 lớp với 2.783 lượt người tham gia đào tạo. Các lớp ngành chăn nuôi thú y tập trung vào các nội dung về chăn nuôi gà (28 lớp), thú y (26 lớp), nuôi ong (14 lớp) còn lại là chăn nuôi lợn, trâu bò và thức ăn chăn nuôi (38 lớp). Số lượng lớp ngành chăn nuôi ổn định trong thời gian qua 32-33 lớp mỗi năm. Qua đó cho thấy, trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Thái Nguyên thì chăn nuôi thú y vẫn là một ngành giữ vai trò quan trọng, người dân cũng có nhu cầu cao về đào tạo các nghề liên quan đến chăn nuôi thú y.

Tổng số lớp đào tạo nghề trong lĩnh vực trồng trọt trong những năm qua là 48 lớp với 1.440 lượt người tham dự. Bao gồm các lớp về Rau an toàn và CNC (20 lớp), cây có múi (13 lớp); ngoài ra còn các lớp đào tạo cây lúa, nấm, hoa các loại, quản lý dịch hại... (15 lớp). Qua đó cho thấy rằng tại nông thôn 2 ngành nghề trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng là trồng trọt và chăn nuôi. Hiện nay một nghề nữa cũng được lao động nông thôn quan tâm đến đó là Công nghệ chế biến thực phẩm nông nghiệp. Lĩnh vực này có số lượng lớp và lượt người tham gia khá đông là (45 lớp và 1.339 lượt người) và tăng dần qua các năm 2018-2020 từ 14 lớp lên 18 lớp/năm.

Ngoài ra còn có các lớp cơ khí nông nghiệp cũng được tổ chức tại một số nơi cho bà con nông dân khi tìm hiểu nhu cầu đào tạo của họ (7 lớp). Hiện nay tại các địa phương cũng đang tiến hành công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp vì vậy lao động nông thôn họ cũng cần những kiến thức như sửa chữa máy nông nghiệp, sửa chữa cơ điện nông nghiệp... đây là một nội dung khá cần thiết cho lao động nông thôn hiện nay để phục vụ cho quá trình tiến hành CNH - HĐH nông nghiệp tại Việt Nam trong thời gian sắp tới.

Trong những năm qua, sự phân bổ kinh phí của tỉnh Thái Nguyên cho các hoạt động đào tạo nghề tại nông thôn gần như đồng đều cho tất cả các đơn vị trong toàn tỉnh. Số lớp và tổng số học viên có xu hướng tăng lên qua các năm. Kết quả thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Hoạt động đào tạo phân theo các đơn vị của Thái Nguyên từ 2018-2020

STT	Đơn vị	Số lớp (Lớp)				Tổng số học viên (Người)			
		2018	2019	2020	Tổng	2018	2019	2020	Tổng
1	TP. Thái Nguyên	23	25	30	78	673	716	851	2.240
2	TP. Sông Công	2	2	1	5	60	45	30	135
3	Thị xã Phổ Yên	10	9	8	27	295	265	235	795
4	Huyện Phú Lương	10	10	10	30	295	280	295	870
5	Huyện Đại Từ	10	9	10	29	280	258	278	816
6	Huyện Phú Bình	10	9	10	29	280	250	280	810
7	Huyện Định Hóa	7	6	8	21	207	172	235	614
8	Huyện Đông Hỷ	9	7	8	24	274	210	244	728
9	Huyện Võ Nhai	8	7	10	24	225	200	285	710
	Tổng	89	84	95	268	2.589	2.396	2.733	7.718

(Nguồn: Sở lao động TBXH tỉnh Thái Nguyên năm 2018, 2019, 2020)

Qua số liệu bảng 5 cho thấy ngoài thành phố Thái Nguyên là đơn vị chiếm tỷ lệ các lớp khá lớn (78 lớp và 2.240 lượt người). Năm 2018 tổng số lớp là 89 lớp thì có 23 lớp với 673 lượt người tham gia do thành phố Thái Nguyên được phân bổ kinh phí và đứng ra tổ chức đào tạo, năm 2019 có 84 lớp thì thành phố Thái Nguyên có 25 lớp và 76 lượt người, năm 2020 thành phố Thái Nguyên có 30/95 lớp. Ngoài ra còn 3 đơn vị cũng có số lớp/năm ở mức tương đối cao và đều phân bổ đều qua các năm đó là huyện Phú Lương, huyện Đại Từ và huyện Phú Bình. Trong 3 năm từ 2018- 2020 số lớp tại các đơn vị này trung bình 29-30 lớp/năm với số lượt đào tạo hơn 800 người. Còn lại là thị xã Phổ Yên, huyện Đồng Hỷ, huyện Định Hóa và huyện Võ Nhai mỗi năm các đơn vị này đào tạo khoảng 21 - 27 lớp với số lượt người tham gia từ 614 - 795 người. Đơn vị có số lượng các lớp và lượt người tham gia ít nhất là thành phố Sông Công (5 lớp với 135 lượt người tham gia) do đây là một đơn vị hành chính mới được thành lập, bên cạnh đó trên địa bàn thành phố Sông Công còn có một số các trường đào tạo các nghề phục vụ cho quá trình CNH - HĐH của thành phố nên hoạt động đào tạo nghề cho nông dân cũng chiếm một số lượng tương đối ít.

Tìm hiểu hoạt động đào tạo nghề tại các hộ điều tra là một trong những hoạt động của quá trình nghiên cứu. Trong 3 năm trở lại đây, do ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng nông dân tham gia vào các hoạt động ĐTN vẫn diễn ra và có chiều hướng gia tăng trên địa bàn cả 3 huyện Phú Bình, Đại Từ và Phú Lương. Những nông dân mà chúng tôi tiến hành phỏng vấn là những người tham gia rất tích cực vào hoạt động ĐTN tại các địa phương.

Bảng 6. Tình hình tham gia hoạt động đào tạo nghề tại các hộ điều tra (n=90)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Số năm tham gia lớp nghề	Năm/người	3,1	-
2	Số lớp nghề tham gia đào tạo	Lớp/năm	2,3	-
3	Được nghe thông tin	Ý kiến	90	100
4	Nội dung phù hợp với nhu cầu	Ý kiến	85	94,4

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2021)

Bảng 6 cho thấy thời gian trung bình tham gia các lớp ĐTN của các thành viên trung bình là 3,1 năm/người. Trung bình các học viên tham gia 3,2 lớp/người/năm, họ không tham gia vào tất cả các lớp ĐTN nhưng qua đây cũng cho thấy các thành viên tham gia rất nhiều vào các lớp học nghề khác nhau tại địa phương. Khi tham gia tất cả các thành viên (100%) đều được nghe các thông tin của các lớp ĐTN qua nhiều kênh khác nhau như: Cán bộ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên (GDNNGDTX), Cán bộ khuyến nông, các HTX nông nghiệp, phương tiện thông tin đại chúng, hàng xóm, người thân... Và họ tham gia vì nhiều lý do khác nhau: phù hợp với nhu cầu của gia đình và bản thân, muốn tìm hiểu thêm về kiến thức, khi thấy hiệu quả, cán bộ khuyến hay do hàng xóm khuyên... Căn cứ vào các lý do này khi tiến hành tuyển học viên cho các lớp cần căn cứ vào đó để xác định nhu cầu và đưa ra các nội dung đào tạo cho phù hợp với người học.

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi cũng tiến hành tìm hiểu về các ngành nghề nông nghiệp đào tạo cho các học viên tham gia có một số ngành chính theo chương trình chung của tỉnh Thái Nguyên đó là trồng trọt, chăn nuôi, công nghệ chế biến thực phẩm nông nghiệp và cơ khí.

Bảng 7. Nội dung đào tạo nghề nông nghiệp các hộ tham gia (n=90)

ĐVT: %					
STT	Nội dung	Phú Bình	Phú Lương	Đại Từ	Tính chung
1	Trồng trọt	90,00	93,33	93,33	92,22
2	Chăn nuôi	83,33	90,00	86,67	86,67
3	CNCBTPNN	56,67	53,33	46,67	52,22
4	Cơ khí NN	23,33	20,00	20,00	21,11

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2021)

Qua bảng 7 cho thấy có tới 92,22% các học viên tham gia vào các lớp ngành trồng trọt. Trong những năm qua, tại 3 huyện nghiên cứu lĩnh vực có các lớp về: Trồng cây có múi, trồng lúa năng suất cao, Trồng rau công nghệ cao và rau an toàn; Trồng hoa. Tỷ lệ các học viên tham gia khá

cao chứng tỏ đối với người dân trên địa bàn các huyện này nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung vẫn rất coi trọng hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và trồng trọt nói riêng.

Nội dung cũng được rất nhiều các học viên tham gia trong quá trình đào tạo nghề tại nông thôn đó là chăn nuôi. Trong thời gian qua trên địa bàn 3 huyện có rất nhiều lớp ngành lĩnh vực này như: Nuôi và phòng trị bệnh cho gà, lợn; Nuôi ong mật; Chăn nuôi gà, lợn hữu cơ; Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi... Tỷ lệ các học viên tham gia các lớp về nội dung này chiếm tỷ lệ khá cao 86,67%, trong đó cao nhất là huyện Phú Lương (90%), sau đó đến Đại Từ (86,67%) và Phú Bình (83,33%).

Ngoài ra còn có 52,22% số người điều tra có tham gia nội dung Công nghệ chế biến thực phẩm nông nghiệp (CNCBTPNN) về Công nghệ chế biến bảo quản chè xanh và chè đen, Kỹ thuật chế biến món ăn... Có 21,11% số người tham gia nội dung Cơ khí nông nghiệp về Sửa chữa máy nông nghiệp, Sửa chữa cơ điện nông thôn.

Qua đó cũng cho thấy rằng các nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn cũng rất đa dạng và phong phú, các thành viên tham gia chiếm tỷ lệ khá đông. Trong thời gian tới, cần khảo sát nhu cầu của người học để đưa thêm nhiều nội dung hơn đáp ứng những kiến thức và người dân cần, qua đó sẽ nâng cao chất lượng đào tạo cho lao động nông thôn.

3.2. Những hỗ trợ mà học viên nhận được trong thời gian tham gia đào tạo nghề tại tỉnh Thái Nguyên

Trong quá trình đào tạo nghề có nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Chúng tôi cũng tiến hành điều tra các hộ nông dân các nội dung này trong bảng hỏi được xây dựng trước, kết quả thu được tại bảng 8 sau đây.

Bảng 8. Những hỗ trợ mà học viên nhận được khi tham gia khóa đào tạo (n=90)

TT	Hỗ trợ	Ý kiến (lượt)	Tỷ lệ (%)
1	Kinh phí	90	100
2	Tài liệu học tập	90	100
3	Giống	75	83,33
4	Phân bón	25	27,77
5	Vật tư khác	15	16,67

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2021)

Trong thời gian tham gia học các lớp ĐTN, 100% học viên nhận được nhiều hỗ trợ từ nguồn kinh phí là vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ cho người học nghề bao gồm: Kinh phí tham gia học tập của các thành viên, mức kinh phí này phụ thuộc vào các đối tượng khác nhau trung bình từ 50.000đ/người/buổi trở lên. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, quy định hỗ trợ chi phí đào tạo với 05 nhóm đối tượng gồm: người khuyết tật; người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; Người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm; người thuộc hộ cận nghèo; người học là phụ nữ, lao động nông thôn không thuộc các đối tượng trên.

Mức hỗ trợ chi phí đào tạo và mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại được tính áp dụng bằng mức quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg [13]. Chi phí về tài liệu học tập như: Giáo trình - bài giảng, học liệu (Vở, bút, giấy kiểm tra...). Ngoài ra, tùy từng nội dung học thì học thì sẽ có sự hỗ trợ về giống (hạt, cây con...), phân bón hoặc các vật tư khác. Đây cũng là một sự khuyến khích cho các học viên khi tham gia các lớp ĐTN để tăng hiệu quả học tập.

3.3. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện đào tạo nghề tại Thái Nguyên

Để tìm hiểu những khó khăn và thuận lợi trong quá trình triển khai các hoạt động đào tạo nghề, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 11 người là cán bộ quản lý Sở LĐTBXH (2 người), Trung tâm GDNNGDTH các huyện (9) điều tra. Kết quả thu được trong bảng 9 và bảng 10 dưới đây.

Qua bảng số liệu 9 cho thấy, các cán bộ đều đánh giá thuận lợi nhất trong quá trình ĐTN cho lao động nông thôn đó là được sự quan tâm của cả hệ thống chính trị các cấp (100% ý kiến) từ tỉnh đến xã, từ việc ban hành Chỉ thị của các cấp ủy Đảng, chính quyền thành lập Ban Chỉ đạo phân công nhiệm vụ và xây dựng quy chế làm việc tổ chức triển khai thực hiện. Nhìn chung, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và cấp huyện đã thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong chỉ đạo, triển khai các hoạt động của Đề án. Sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn, đơn vị tại địa phương đảm bảo đồng bộ và chặt chẽ.

Bảng 9. Những thuận lợi trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại tỉnh Thái Nguyên (n=11)

STT	Thuận lợi	Ý kiến	Tỷ lệ (%)
1	Nhận được sự quan tâm của hệ thống chính trị các cấp	11/11	100
2	Các cấp, các ngành, địa phương, người dân nhận thức được tầm quan trọng của học nghề	9/11	81,82
3	Cơ sở vật chất đầu tư đáp ứng hoạt động ĐTN	8/11	72,72
4	Đội ngũ CBGD nhiều kinh nghiệm đáp ứng kiến thức, kỹ năng giảng dạy	7/11	63,64
5	Sự tham gia hỗ trợ của các Doanh nghiệp, tập đoàn lớn của tỉnh	6/11	54,55

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2021)

Có 9/11 ý kiến (81,82%) cho rằng các cấp, ngành, địa phương, người dân đã nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học nghề trong việc tạo việc làm và nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả, sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế. Các sở, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội theo chức năng nhiệm vụ được phân công đã phổ biến, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, xã hội, của cán bộ, công chức xã và người lao động nông thôn về vai trò của đào tạo nghề để tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo. Một thuận lợi nữa trong hoạt động đào tạo nghề đó là cơ sở vật chất được đầu tư đáp ứng với yêu cầu của hoạt động, có 8/11 ý kiến (72,72%) của cán bộ đánh giá cho rằng đây là một điều rất thuận lợi trong hoạt động ĐTN những năm qua. Các cơ sở GDNN công lập tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn được nhà nước ưu tiên, quan tâm đầu tư như: Đất đai, tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị đào tạo, phát triển chương trình giáo trình đào tạo, phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý... Cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành đã được đầu tư mua sắm, phần lớn các nghề chủ đạo đã có đủ máy móc thiết bị để thực hành, các trung tâm cấp huyện có đầy đủ phòng học lý thuyết và xưởng thực hành phục vụ đào tạo nghề tại trụ sở chính.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề hàng năm đã được Sở Lao động - TBXH và các cơ sở GDNN quan tâm, thông qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Đội ngũ cán bộ, giáo viên đã được trang bị thêm kiến thức, kỹ năng giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Đây cũng là một điều kiện thuận lợi của tỉnh Thái Nguyên thời gian qua trong công tác ĐTN có 7/11 ý kiến (63,64%) ý kiến của cán bộ đánh giá về điều đó. Ngoài ra, còn có sự tham gia hỗ trợ của các doanh nghiệp, tập đoàn lớn của tỉnh như: Hỗ trợ kinh phí đào tạo và tuyển dụng lao động theo Thỏa thuận phát triển dự án giữa Công ty TNHH Samsung Electronics tại tỉnh Thái Nguyên và UBND tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015 - 2018, số người được hỗ trợ đào tạo nghề và bố trí việc làm là 9.749 người với tổng kinh phí là 4.874,5 tr. đồng. Hỗ trợ theo chính sách khuyến khích đầu tư giai đoạn 2013 - 2019, số người được hỗ trợ đào tạo nghề tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG là 7.999 người với kinh phí hỗ trợ đào tạo là 7.644,455 tr. đồng [13].

Bảng 10. Những khó khăn trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại tỉnh Thái Nguyên (n=11)

STT	Khó khăn	Ý kiến	Tỷ lệ (%)
1	Cán bộ cơ sở còn lúng túng trong xác định nhu cầu đào tạo, các ngành nghề đào tạo	10/11	90,90
2	Một bộ phận người dân chưa coi trọng học nghề	8/11	72,73
3	Kinh phí của địa phương và tài chính hộ gia đình nông dân còn hạn hẹp	7/11	63,64
4	Hoạt động tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa phong phú	6/11	54,55
5	Nhân lực thực hiện kiểm tra giám sát dạy nghề còn hạn chế	5/11	45,46

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2021)

Trong thời gian qua khi tiến hành hoạt động đào tạo nghề thì có một số mục tiêu chưa đạt so với kế hoạch đề ra, như: Số lao động nông thôn được đào tạo nghề, số cán bộ công chức cấp xã được đào tạo bồi dưỡng (đào tạo cho 45.738/80.000 lao động nông thôn, đạt 57,17% so với kế hoạch; đào tạo, bồi dưỡng cho 12.685/20.000 cán bộ, công chức cấp xã, đạt 63,42% so với kế hoạch). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến mục tiêu trong giai đoạn chưa hoàn thành, trong đó có thể là do những khó khăn mà hoạt động đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên gặp phải chúng tôi thu thập được qua bảng 10. Qua đó cho thấy rằng khó khăn lớn nhất đó là đội ngũ cán bộ ở một số địa phương còn lúng túng trong việc xác định ngành nghề đào tạo, tư vấn nhu cầu học nghề của người lao động (10/11 ý kiến) chiếm tỷ lệ 90,90%. Có thể do trong quá trình triển khai hoạt động ĐTN nghề xuống cơ sở có nhiều chương trình khác nhau thì các cán bộ dưới đó không gần với chuyên ngành thì chuyện lúng túng với các chuyên ngành là điều không thể tránh khỏi. Chính vì vậy đây cũng là một nội dung cần lưu ý trong quá trình triển khai các hoạt động ĐTN thời gian sắp tới. Tiếp theo là một số bộ phận người dân chưa coi trọng học nghề, đăng ký học nhưng không thật sự chú tâm vào việc học, một số đăng ký theo học chủ yếu là để hưởng chế độ của nhà nước dành cho đối tượng chính sách. Đây cũng là đánh giá chung của các cán bộ của Sở LĐTBXH, có tới 8/11 ý kiến cho rằng đây là một trong những khó khăn cơ bản trong thời gian qua ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo nghề.

Kinh phí của các địa phương và nguồn tài chính của các hộ gia đình lao động nông thôn còn hạn hẹp 7/11 ý kiến) chiếm 6,64% cũng là một khó khăn nữa ảnh hưởng đến hoạt động ĐTN. Nguyên nhân có thể do nguồn kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm còn hạn chế, do vậy kinh phí để xây dựng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn gặp khó khăn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo của các cơ sở GDNH trên địa bàn tỉnh mặc dù được quan tâm đầu tư, nâng cấp, tuy nhiên sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất, đến nay nhiều thiết bị đã lạc hậu, chưa theo kịp nhu cầu đào tạo của thị trường lao động, nhất là các nghề chất lượng cao và công nghệ mới. Một số cơ sở GDNH công lập cấp huyện đã được đầu tư trang thiết bị đào tạo từ nhiều năm trước, đến nay đã cũ, lạc hậu, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đã không còn phù hợp và đáp ứng nhu cầu đào tạo hiện nay.

Việc tổ chức tuyên truyền chưa được thường xuyên và liên tục, hình thức tuyên truyền chưa đa dạng và phong phú (6/11 ý kiến). Mặc dù có được sự quan tâm của các cơ quan truyền thông, thông tin đại chúng và các đoàn thể chính trị - xã hội, công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho lao động nông thôn ngày càng sâu rộng hơn. Tuy nhiên có thể do Nội dung tuyên truyền chưa có sự thu hút, đội ngũ làm công tác tuyên truyền có nơi chưa nắm chắc thông tin về thị trường lao động, thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp để tư vấn kịp thời cho người lao động.

Ngoài ra còn một khó khăn nữa theo các cán bộ đánh giá cũng ảnh hưởng đến hoạt động ĐTN đó là còn một số địa phương chưa coi trọng công tác kiểm tra, giám sát; chế độ báo cáo chưa đầy đủ kịp thời (45,46%). Nguyên nhân có thể là do nhân lực để thực hiện việc kiểm tra giám sát công tác dạy nghề còn hạn chế. Trong thời gian tới, các cơ quan cũng nên quan tâm đến vấn đề này để nâng cao hiệu quả.

3.4. Những giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân tại tỉnh Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên phân đấu mục tiêu giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030: Đào tạo nhân lực các cấp trình độ trong 05 năm là 217.400 người (chia theo cấp trình độ: Bình quân đào tạo trình độ cao đẳng 21.650 người, trung cấp là 54.250 người, sơ cấp, đào tạo theo các chương trình nghề nghiệp khác 141.500 người). Mỗi năm tuyển mới: Trình độ cao đẳng 4.800 người, trung cấp là 11.000 người, sơ cấp, đào tạo theo các chương trình nghề nghiệp khác 27.000 người [2].

Mỗi năm đào tạo nghề cho 4.000 lao động nông thôn, tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm hoặc tiếp tục làm công việc cũ nhưng năng suất lao động và thu nhập tăng lên sau đào tạo đạt trên 80%. Đào tạo bồi dưỡng cho: 500 lượt cán bộ, công chức cấp xã và 200 lượt cán bộ, nhà giáo dục nghề nghiệp [2].

Để thực hiện được các nội dung của các mục tiêu trên và qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể:

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo phù hợp cho các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các đối tượng chính sách, nhất là hệ thống các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện.

- Triển khai có hiệu quả, đảm bảo các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” và Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” theo đó, mục tiêu đến năm 2020 phần đầu ít nhất 30% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại cơ sở GDNN đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp; ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở GDNN trình độ cao đẳng; đến năm 2025, phần đầu các chỉ tiêu tương ứng là 40% và 45%.

- Xây dựng đơn vị chuyên trách thực hiện việc kết nối giữa giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và trường chuyên biệt đào tạo cho học sinh dân tộc nội trú.

- Bố trí bổ sung ngân sách địa phương hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả của hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng cường sự gắn kết giữa doanh nghiệp với cơ sở GDNN, giữa cơ sở GDNN với người học và đơn vị sử dụng lao động, tăng cường duy trì các hoạt động sản giao dịch việc làm, phiên giao dịch lưu động để người lao động, có cơ hội học nghề và tìm kiếm việc làm phù hợp với bản thân.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động về GDNN, trong đó có các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn để có biện pháp tháo gỡ, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc.

4. Kết luận và kiến nghị

Qua nghiên cứu hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn thời gian qua cho thấy tỉnh Thái Nguyên đầu tư kinh phí cho 3 nhóm đào tạo nghề là đào tạo nghề nông nghiệp, nghề phi nông nghiệp và đào tạo nghề cho người khuyết tật. Trong đó hoạt động đào tạo nghề nông nghiệp chiếm số lượng nhiều nhất (53,3%). Các lĩnh vực đào tạo nghề nông nghiệp bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, công nghệ chế biến thực phẩm và cơ khí nông nghiệp. Trong đó ngành có số lượng lớp nhiều nhất là chăn nuôi thú y (98/198 lớp). Trong số các đơn vị của Thái Nguyên, Thành phố Thái Nguyên là đơn vị được phân bổ kinh phí nhiều nhất với số lượt tham gia đông nhất.

Kết quả khảo sát hoạt động đào tạo nghề tại 3 huyện Phú Bình, Đại Từ và Phú Lương cho thấy trung bình các học viên tham gia 3,2 lớp/người/năm, họ không tham gia vào tất cả các lớp ĐTN nhưng qua đây cũng cho thấy các thành viên tham gia rất nhiều vào các lớp học nghề khác nhau tại địa phương thuộc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, chế biến công nghệ thực phẩm và cơ khí nông nghiệp. Trong quá trình học các học viên của lớp học nhận được hỗ trợ về kinh phí, tài liệu học tập, giống, phân bón hoặc vật tư khác tùy từng khóa đào tạo. Hơn 90% các học viên cho thấy sự phù hợp của các lớp đào tạo về nội dung, giáo viên giảng dạy, sau khi học họ áp dụng các kiến thức đã học vào tiền sản xuất và họ sẵn sàng tham gia vào các lớp đào tạo nghề nếu có trong thời gian tới. Các cán bộ quản lý cũng đánh giá được một số thuận lợi khó khăn nhất định trong hoạt động đào tạo nghề. Từ đó, nghiên cứu đã đề xuất 6 giải pháp chính về hoạt động đào tạo nghề trong thời gian tới của tỉnh Thái Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] H. D. Bui, “Research on improving the quality of vocational training for rural workers in Nam Dinh province,” PhD thesis, Vietnam Academy of Agriculture, 2017.
- [2] Department of Labor, Invalids and Social Affairs, *Summary of the Project "Vocational training for*

- rural workers until 2020" according to the Prime Minister's Decision No. 1956/QĐ-TTg dated November 27, 2009, 2009.
- [3] V. L. Nguyen, "Factors affecting the quality of vocational training for rural workers: Theory, practice and lessons learned for Vietnam," *Vietnam Journal of Agricultural Science*, vol. 19, no. 9, pp. 1270-1282, 2021.
- [4] T. C. Mai, "Research and propose solutions to improve the efficiency of vocational training for rural workers in Dak Lak province," *Journal of the Department of Science and Technology of Dak Lak Province*, vol. 1/2020, pp. 217-225, 2020.
- [5] T. T. Nguyen, "Solutions to create jobs for laborers in Ha Long city, Quang Ninh province," Master's Thesis in Economic Management, University of Economics and Business Administration, TNUT, 2014.
- [6] T. N. T. Bui, "Improving the quality of vocational training for rural workers in Chuong My district, Hanoi city," *Journal of Forestry Science and Technology*, no. 1/2017, pp. 169-176, 2017.
- [7] T. S. Nguyen, "Training human resources for agriculture and rural areas in Vietnam," *Industry and Trade Journal*, no. 11/2020, pp. 72-75, 2020.
- [8] N. M. H. Cao, "Vocational training for rural workers in Le Thuy district, Quang Binh province," Master's Thesis in Economics, University of Danang, 2014.
- [9] T. T. Pham, "Vocational training for rural workers in Hiep Hoa district, Bac Giang province," Master's thesis in human resource management, University of Labor and Social Affairs, 2015.
- [10] X. T. Pham, *Some solutions to improve the effectiveness of vocational training for rural workers under Decision 1956*. Ministry-level project, Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs, 2013.
- [11] V. T. Nguyen, *Vocational training for rural workers in Ba Vi district, Hanoi city. Master's Thesis in Human Resource Management*, University of Labor and Social Affairs, 2019.
- [12] N. T. Do, "Effect of vocational training for rural workers in Dak Lak province: Current situation and some solutions," *Vietnam Journal of Agricultural Science*, vol. 18, no. 9, pp. 747-756, 2020.
- [13] T. B. Luong, "Solutions to develop sticky rice production in Cai Hoa Vang towards sustainability in Dinh Hoa district, Thai Nguyen province," Master thesis in Agricultural Economics - Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry, 2019.